

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn " giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Xóm 10, thôn Duyên P, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Đinh Văn H - Sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Xóm 10, thôn Duyên P, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Q và ông Đinh Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Bà Nguyễn Thị Q và ông Đinh Văn H xác định vợ chồng có 03 người con chung là chị Đinh Thị H, sinh năm 1994, anh Đinh Văn T, sinh năm 1996 và anh Đinh Văn Q, sinh năm 1999. Hiện nay chị H, anh T và anh Q đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống, do vậy nay ly hôn bà Q và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng bà Nguyễn Thị Q và ông Đinh Văn H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Bà Nguyễn Thị Q và ông Đinh Văn H đều xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, về tài sản riêng và công nợ không có, còn về đất nông nghiệp định suất của ai người đó quản lý và canh tác nên bà Q và ông H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001938 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Q số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Nhật Trung